Tên: ……..

Lớp: S8…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

StarLink

Week: 3

Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

UNIT 1: GERUNDS & ABSTRACT NOUNS AND FCE LISTENING PART 2

A. THEORY

I. GRAMMAR

1. Gerunds as Subjects and Objects *(Danh động từ làm Chủ ngữ và Tân ngữ)*

	Làm chủ ngữ *(Subject)*	**Làm tân ngữ** *(Object)*
Định nghĩa	Đứng ở **đầu câu**, đóng vai trò là chủ thể của hành động.	**Đứng sau** một số **động từ** nhất định.
Lưu ý	Động từ chính theo sau luôn **chia ở ngôi thứ 3 số ít.** Form: **V-ing + V (số ít) + ...**	Các động từ phổ biến đi kèm V-ing: enjoy, avoid, mind, suggest, consider, finish, practice, dislike, admit, deny, delay, fancy.
Ví dụ	***Learning languages*** *takes time and practice.*	*She* ***enjoys reading*** *books in her free time.*

2. Gerunds after Prepositions *(Danh động từ đứng sau Giới từ)*

- Tất cả các giới từ (in, on, at, about, of, for, with, without, by, before, after...) khi đi kèm **động từ phía sau** thì động từ đó phải **ở dạng V-ing**.

Form: Preposition + V-ing

E.g: He left the room without saying goodbye.

***Các cụm từ đi với giới từ thường gặp:**

Interested in + V-ing	Hứng thú với việc gì
Good / Bad at + V-ing	Giỏi / Dở về việc gì
Look forward to + V-ing	Trông chờ, mong đợi điều gì
Famous for + V-ing	Nổi tiếng vì điều gì
Apologize for + V-ing	Xin lỗi vì đã làm gì
Succeed in + V-ing	Thành công trong việc gì

3. Abstract Nouns: Article Use *(Danh từ trừu tượng và Cách dùng mạo từ)*

Định nghĩa	Danh từ trừu tượng (Abstract Nouns) là những từ chỉ ý niệm, cảm xúc, phẩm chất, hoặc trạng thái **không thể nhìn hay chạm vào được**. *E.g: love, happiness, knowledge, freedom, advice, time, music…*
Quy tắc không dùng mạo từ a/an	- Hầu hết danh từ trừu tượng là **danh từ không đếm được**. → **KHÔNG** dùng mạo từ **a / an** trước các danh từ này.

LIVEWORKSHEETS

***Cách dùng NO ARTICLE (Zero Article) và THE**

Trường hợp	Quy tắc	Ví dụ
Không dùng mạo từ	Khi nói về khái niệm trừu tượng **chung chung, tổng quát**.	*Knowledge is power.* *(Tri thức nói chung là sức mạnh.)*
Dùng mạo từ "The"	Khi khái niệm trừu tượng **được xác định cụ thể**.	*The knowledge of this subject is useful.* *(Kiến thức về chủ đề này thì hữu ích.)*

II. FCE LISTENING PART 2

Dạng bài	Học sinh nghe một đoạn độc thoại (khoảng 3 phút) và điền từ/ cụm từ còn thiếu vào chỗ trống.
Cách làm bài	**Bước 1: Trước khi nghe** - Đọc tiêu đề bài nghe - Dự đoán loại từ **Bước 2: Trong khi nghe (Nghe 2 lần)** - Lần nghe 1: Bắt từ & Điền nháp - Lần nghe 2: Kiểm tra & Chốt **Bước 3: Sau khi nghe (Rà soát lại)** - Kiểm tra ngữ pháp - Kiểm tra chính tả
Chú ý	***Bẫy sửa thông tin (Self-correction):** Người nói hay dùng các từ nối phản bác như however, actually, in fact, but, instead of... để đính chính lại thông tin vừa phát biểu trước đó. ***Chép nguyên văn từ nghe được:** Điền chính xác từ nghe được, không tự ý biến đổi dạng từ

III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/4mbQkb8WAbg6ztcPKG

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**addiction** (n)	sự nghiện ngập	6	**painful** (adj)	đau đớn, gây khó chịu
2	**outskirts** (n)	vùng ngoại thành, ngoại ô	7	**excessively** (adv)	một cách quá độ, quá mức
3	**treatment** (n)	sự điều trị, liệu trình chữa bệnh	8	**monitor** (v)	theo dõi, giám sát kỹ lưỡng
4	**disgust** (n)	cảm giác ghê tởm, chán ghét	9	**embarrassment** (n)	sự ngượng ngùng, xấu hổ
5	**induce** (v)	gây ra, khiến cho	10	**be addicted to something** (phr)	nghiện cái gì

LIVEWORKSHEETS

B. CLASSWORK

GRAMMAR

I. Choose the correct answer.

1. Many philosophers argue that _____ happiness is not a goal to achieve, but a state of mind.
   A. a B. an C. the D. (no article)
2. I was deeply moved by _____ kindness that the local villagers showed us during the storm.
   A. (no article) B. the C. a D. an
3. Throughout history, human progress has always been driven by _____ knowledge and curiosity.
   A. (no article) B. the C. a D. an
4. _____ advice our teacher gave us before the exam proved to be invaluable.
   A. An B. A C. The D. (no article)
5. Modern science has shown that regular exposure to _____ music can significantly reduce anxiety.
   A. a B. (no article) C. the D. an

II. Write complete, grammatically correct sentences using the given word prompts and the correct form of Gerunds (V-ing). Use all the prompts in the given order. Change verb forms and add necessary function words only.

1. Learn / foreign languages / require / a lot of / patience / from students.
   → _____
2. My classmates / suggested / visit / the art museum / yesterday.
   → _____
3. The students / completed / the test / last week / without / use / any dictionaries.
   → _____
4. Tom / apologize for / be / rude / to his group members / yesterday.
   → _____
5. Our English teacher / look forward to / receive / our essays / at the moment.
   → _____

LISTENING PRACTICE (10 questions)

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/Dike1qAR2XaRmMYN4g

You will hear part of a radio talk about an institution that helps addicts. For questions 9-18, complete the sentences with a word or short phrase.

There is one centre in the UK situated outside **(9)** _____.
The Thorndale method has had success with people addicted to **(10)** _____ and **(11)** _____.
Addicts take part in a **(12)** _____of treatment.
In a one-hour treatment session, smokers cannot stop smoking even when they **(13)** _____.
Smokers must keep smoking until they become **(14)** _____.
Many patients find the course too difficult to finish and **(15)** _____.
Those who manage to finish the course are **(16)** _____ to want to smoke again.
Alcoholics are allowed to become drunk under the watchful eyes of **(17)** _____.
When they are later shown a video, most alcoholics feel **(18)** _____.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) 1 dòng vào vở ghi.

II. Circle the correct answer.

1. _____ online research skills _____ students save hours when working on large projects.
   A. Developing / helps B. Developing / help
   C. Develop / helps D. To develop / help
2. The company decided to delay _____ its new software product until next year.
   A. to release B. releasing C. release D. released
3. He was severely punished for _____ the strict safety rules during the chemistry experiment.
   A. break B. to break C. breaking D. broken
4. Instead of complaining about the task, she focused on _____ a practical solution.
   A. finding B. find C. to find D. found
5. _____ regular exercise into a busy daily routine _____ discipline and careful planning.
   A. Incorporating / require B. Incorporate / require
   C. Incorporating / requires D. To incorporate / requiring

III. Complete the sentences with *the* or *(-) (no article).*

1. Modern scientific research shows that _____ patience is an essential quality for effective problem-solving.
2. _____ courage that the firefighters showed during the rescue operation was praised by everyone in town.
3. In many international schools, teachers encourage _____ cooperation among students during group projects.
4. _____ freedom that teenagers enjoy today comes with a higher level of personal responsibility.
5. We deeply appreciate _____ guidance that our counselor offered for our career choices.

IV. Write complete, grammatically correct sentences using the given word prompts without changing their order. Use the correct form of Gerunds where necessary.

1. Read / historical books / always / improve / students' knowledge / of world history.
   → _____
2. The school principal / consider / organize / a sports competition / at the moment.
   → _____
3. Mark / is looking forward to / join / the school science club / next semester.
   → _____
4. The students / feel / nervous / because / they / be / bad at / speak / in public.
   → _____
5. Prepare / a detailed plan / help / us / avoid / make / serious mistakes / during the project.
   → _____

LIVEWORKSHEETS

LISTENING PRACTICE (10 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con cần tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Listen again to the radio talk in Part B. CLASSWORK on page 3 and complete the following exercises.

I. Choose the correct answer.

1. According to Jane, what makes the Thorndale clinic special compared to other addiction centers?
   A. It is the only clinic in the United Kingdom treating addicts.
   B. It uses a new system of treatment with remarkable success.
   C. It has been operating in Bristol for over fifty years.
   D. It provides free treatment for people with addiction problems.
2. What do patients on the 10-day treatment course at Thorndale do?
   A. They live, eat, and sleep in the same building.
   B. They return home every evening after their treatment.
   C. They take medication that reduces their dependence on drugs.
   D. They stay in separate buildings based on their type of addiction.
3. What happens to smokers who quit the course early before completing it?
   A. They are given a different type of medication.
   B. They are required to pay a financial fine to the clinic.
   C. They are not considered cured and will likely return to their habit.
   D. They are allowed to restart the ten-day treatment from the beginning.
4. Why is the treatment for alcoholism different from the treatment for smoking?
   A. Because alcoholics refuse to stay in the clinic building.
   B. Because alcohol abuse involves a loss of memory.
   C. Because alcoholics require more than ten days of treatment.
   D. Because smoking treatment does not cause any physical pain.
5. How do nearly all alcoholics feel when they are shown videos of their drunken performance?
   A. They feel angry at the trained personnel.
   B. They feel proud of their improvement.
   C. They feel great embarrassment.
   D. They feel amused by their own behavior.

II. Decide whether the following statements are TRUE (T) or FALSE (F).

1. Thorndale clinic treats patients by giving them drugs that reduce their addiction dependence.
   → _____
2. In the smoking treatment, smokers are not allowed to stop smoking until they become physically sick.
   → _____
3. The intensive smoking session must be repeated three times a day for the entire ten-day period.
   → _____
4. Smokers who complete the full ten-day course are very likely to want a cigarette again.
   → _____
5. Alcoholics drink excessively in the setting of a bar while being monitored by trained personnel.
   → _____

LIVEWORKSHEETS